

Bản án số: 51/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 04/7/2023

"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hoà

Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát: không tham gia phiên toà.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 111/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 119/2023/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1977

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1974

Cùng cư trú tại: thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh P.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2023 và trong quá trình thụ lý vụ án, lời khai tại trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Phan Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do không hiểu biết quy định của pháp luật, chung sống với nhau tương đối hạnh phúc; tuy nhiên thời gian gần đây anh Q thường xuyên uống rượu, nhậu nhẹt đập phá nhà cửa, chửi bới vợ con, chị H đã khuyên nhủ, nhờ người khuyên nhủ anh Q nhưng anh Q không thay đổi, chị H thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh Q nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết công bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Phạm Văn Q là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh Q có 03 con chung là các cháu Phạm Thị N, sinh năm 1997; cháu Phạm ThịQ, sinh năm 2000, cháu Phạm ThịL, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ đã nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Bị đơn anh Phạm Văn Q qua lời khai trình bày: Anh Q thừa nhận phần trình bày của chị H về thời gian chung sống từ năm 1997 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn; trong thời gian chung sống giữa anh Q và chị H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do áp lực công việc, từ đó anh Q có uống rượu, vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát lẫn nhau, chị H bỏ nhà đi sống ly thân; nay anh Q mong muốn được đoàn tụ gia đình nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh Q cũng đồng ý Tòa án công bố không công nhận quan hệ giữa anh Q và chị Hạnh là vợ chồng.

Về con chung: có 03 con chung là các cháu Phạm Thị N, sinh năm 1997; cháu Phạm ThịQ, sinh năm 2000, cháu Phạm ThịL, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ anh Q không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Ngoài ra, anh Q không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: không tham gia phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Phạm Văn Q tự nguyện chung sống từ năm 1997 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn vì không hiểu biết quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ giữa chị H và anh Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống do xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, xô sát, không hoà hợp, sống ly thân; hiện nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị H là vợ chồng.

[2] Về con chung: có 03 con chung là các cháu Phạm Thị N, sinh năm 1997; cháu Phạm ThịQ, sinh năm 2000, cháu Phạm ThịL, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về tài sản, nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Phạm Văn Q và chị Lê Thị H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: có 03 con chung là các cháu Phạm Thị N, sinh năm 1997; cháu Phạm Thị Q, sinh năm 2000, cháu Phạm Thị L, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Hạnh phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001048, ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã, T.tr (ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh

